

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ NGÀNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1740/QĐ-ĐHTL của Hiệu trưởng ngày 02 tháng 10 năm 2013)

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			10					
I.1	Kỹ năng	Communication Skills			3					
1	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	Communication and Presentation Skills	COPS111	Phát triển kỹ năng	3	3				
I.2	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			4					
2	Toán IVa (Phương trình vi phân)	Mathematics IVa (Differential Equation)	MATH243	Toán học	2	2				
3	Toán V (Xác suất thống kê)	Mathematics V (Probability Statistics)	MATH253	Toán học	2	2				
I.3	Tiếng Anh	English		Tiếng Anh	3					
4	Tiếng Anh III	English III	ENGL233	Tiếng Anh	3	3				
I.4	Giáo dục thể chất	Physical Education		Giáo dục thể chất	2*	1*	1*			
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			73					
II.1	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			31					
5	Pháp luật kinh tế	Economic Law	ELAW326	Quản lý xây dựng	2	2				
6	Kinh tế vi mô I	Principles of Microeconomics 1	ECON335	Kinh tế	3	3				
7	Nguyên lý kế toán	Accounting Principles	ACC470	Kế toán	3	3				
8	Quản trị doanh nghiệp I	Business Administration 1	BA317	Quản trị kinh doanh	2	2				
9	Kiến trúc công trình	Engineering Architecture	ART336	Đồ họa kỹ thuật	3		3			
10	Kinh tế xây dựng I	Construction Economics 1	CECON316	Quản lý xây dựng	2		2			
11	Cơ học đất	Soil Mechanics	GEOT325	Địa kỹ thuật	3		3			
12	Kết cấu công trình	Building Structures	BS316	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	3		3			
13	Quy hoạch đô thị	Urban Planning	URPM316	Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn	2		2			
14	Nền móng	Foundation Engineering	GEOT317	Địa kỹ thuật	2			2		
15	Đồ án nền móng	Project Of Foundation Engineering	GEOT327	Địa kỹ thuật	1			1		
16	Cấp thoát nước	Water Supply and Sanitation	WSS436	Cấp thoát nước	3			3		
17	Tin học ứng dụng trong quản lý xây dựng	Applied Informatic in Construction Management	AICON325	Quản lý xây dựng	2				2	
II.2	Kiến thức ngành	Core Area Subjects			27					
18	Kỹ thuật điện	Introduction to Electrical Engineering	EGN316	Kỹ thuật điện	3		3			

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5
19	Quản lý dự án	Project management	PJM418	Quản lý xây dựng	2		2			
20	Kinh tế xây dựng II	Construction Economics 2	CECON428	Quản lý xây dựng	2			2		
21	Đồ án kinh tế xây dựng	Project of Construction Economics	CECON438	Quản lý xây dựng	1			1		
22	Hợp đồng và đấu thầu xây dựng	Construction Contract and bidding management	CON367	Quản lý xây dựng	2			2		
23	Marketing xây dựng	Construction Marketing	MAR328	Quản lý xây dựng	2			2		
24	Thi công 1	Construction Technology 1	COTE418	Công nghệ và quản lý xây dựng	2			2		
25	Thi công 2 (công trình thủy)	Construction Technology 2 (Hydraulic construction)	CTHC428	Công nghệ và quản lý xây dựng	2				2	
26	Máy xây dựng	Building Equipment	BUEQ417	Máy xây dựng	3				3	
27	Pháp luật trong xây dựng	Legal environment in Construction	LAWC315	Quản lý xây dựng	2				2	
28	Định mức - Đơn giá - Dự toán	Norm-Price-Cost Estimate	PCE316	Quản lý xây dựng	2				2	
29	Đồ án Định mức - Đơn giá - Dự toán	Project of Norm-Price-Cost Estimate	PCE326	Quản lý xây dựng	1				1	
30	Thực tập ngành quản lý xây dựng	Construction management Practise	PCON429	Quản lý xây dựng	3				3	
II.3	Kiến thức tự chọn	Selectives			8			4	4	
1	Thống kê trong doanh nghiệp xây	Statistic for Construction Enterprise	BUS436	Quản lý xây dựng	2			2		
2	Kinh tế đầu tư xây dựng	Economics of Construction Investment	CON448	Quản lý xây dựng	2			2		
3	Quản lý tài chính trong xây dựng	Financial management for construction project	CON462	Quản lý xây dựng	2			2		
4	Quản lý dự án xây dựng	Construction Project management	CON428	Quản lý xây dựng	2				2	
5	Kinh tế sử dụng tổng hợp tài nguyên nước	Economics of Multiple Use of Water Resources	ECON337	Quản lý xây dựng	2				2	
6	Kinh tế quản lý khai thác công trình thủy	Economics of Hydraulics Engineering Management	ECON326	Quản lý xây dựng	2				2	
II.4	Đồ án tốt nghiệp	Graduation thesis			7					7
	Tổng cộng (I + II)	Total			83	20	18	19	19	7